TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2018/DS-ST
Ngày: 30/11/ 2018
V/v tranh chấp dân sự về hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;

2. Bà Hà Mộng Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2018/TLST- DS ngày 22/8/2018 về "tranh chấp dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Phan Thị H, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Số 181, đường N, tổ H, khóm G, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Bị đơn*:* Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1948; địa chỉ: số 188, tổ 6, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lư Thị Cẩm V, sinh năm 1952 và ông Thái Nghĩa H1, sinh năm 1948; cùng địa chỉ: số 107, LP, khóm A, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng: Bà Lưu Thị Thanh B, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 188, tổ 6, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông Đ, bà H có mặt, bà V, ông H1, bà Th và bà B vắng mặt (bà V, ông H1, bà B có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn Đ và bà Phan Thị H trình bày: Ông Đ và bà H có làm chủ các dây hụi 500.000 đồng, 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Trong đó bà Nguyễn Thị Thu Th có tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi 500.000 đồng/tuần, mở hụi ngày 01/4/2016 âm lịch (ngày 04/5/2016), gồm 45 phần, bà Th tham gia 04 phần đã hốt hết, góp hụi được 32 phần, còn lại 13 phần chưa góp.Số tiền bà Th còn nợ là 500.000 đồng x 4phần x 13 lần = 26.000.000 đồng.

- Dây hụi 500.000 đồng/tuần, mở hụi ngày 02/11/2016 âm lịch (ngày 30/11/2016), gồm 49 phần, bà Th tham gia 02 phần đã hốt hết, còn lại 47 phần chưa góp. Số tiền bà Th còn nợ là 500.000 đồng x 2 phần x 47 lần = 47.000.000 đồng

- Dây hụi 1.000.000 đồng/10 ngày, mở hụi ngày 15/4/2016 âm lịch (ngày 21/5/2016), gồm 36 phần, bà Th tham gia 01 phần đã hốt hết, còn nợ 14 phần chưa góp hụi. Số tiền bà Th còn nợ là 1.000.000 đồng x 14lần = 14.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/15 ngày, mở hụi ngày 15/6/2016 âm lịch (ngày 04/7/2016), gồm 34 phần, bà Th tham gia 02 phần đã hốt hết, còn nợ 23 phần chưa góp hụi. Số tiền bà Th còn nợ là 2.000.000 đồng x 2 phần x 23lần = 92.000.000 đồng.

Ông Đ và bà H yêu cầu bà Th trả cho ông, bà tổng cộng 179.000.000 đồng có khấu trừ số tiền 16.800.000 đồng bà Th đã trả cho bà Lư Thị Cẩm V (H1) hụi viên của ông Đ và bà H, còn lại 139.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lư Thị Cẩm V trình bày: Bà và ông Thái Nghĩa H1, sinh năm 1948, ngụ cùng địa chỉ là vợ chồng, bà là người trực tiếp tham gia hụi do ông Huỳnh Văn Đ và bà Phan Thị H làm chủ, bà tham gia dây hụi 500.000 đồng/tuần cùng với bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Th đã hốt hụi còn bà thì chưa, sau khi ông Đ tuyên bố bể hụi thì bà H, ông Đ và bà thỏa thuận, bà Th sẽ chầu hụi chết cho bà thay cho ông Đ, bà H, đồng thời bà Th cũng đồng ý và đã trả được cho bà 16.800.000 đồng nên giữa bà và ông Đ, bà H không còn nợ nhau. Biên nhận bà Th ghi ngày 31-5-2017 Tòa án cho xem thì bà V xác nhận bà Th ghi đúng số tiền bà đã nhận nhưng lại ghi tên chồng bà, bà xác nhận ông H1 không liên quan trong việc bà tham gia hụi của ông Đ, bà H. Bà không có chứng kiến việc bà Th viết biên nhận nợ.

Do tuổi cao, việc đi lại khó khăn bà và ông H1 xin được vắng mặt khi tòa án triệu tập tham gia phiên họp, hòa giải, đối chất và tham dự phiên tòa khi vụ án được đưa ra xét xử, giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- *Theo đơn yêu cầu ghi ngày 29/10/2018 ông Thái Nghĩa H1 trình bày*: Do ông bị bệnh và cao tuổi nên yêu cầu được vắng mặt, lời khai của bà V (vợ ông) cũng là ý kiến của ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp bản tự khai và không lấy được lời khai.

Biên bản xác minh tại ban khóm Vĩnh Chánh 3, phường Núi Sam cho biết: bà Th có đăng ký hộ khẩu tại tổ 6, khóm Vĩnh Chánh 3, hiện còn sinh sống tại địa phương.

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 15/10/2018 bà Lưu Thị Thanh B trình bày: Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Thu Th và cư trú cùng địa chỉ. Bà có nhận được các văn bản tố tụng tống đạt cho bà Th, hiện bà Th đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Bà có biết việc bà Th tham gia hụi do ông Đ, bà H làm chủ; Biên nhận ghi ngày 31/5/2017 ông Đ cung cấp đúng là chữ viết, chữ ký của bà Th. Bà Th đã trả tiền hụi cho ông Đ theo thỏa thuận giao cho ông H1 được 16.800.000 đồng, sau đó bà Th có trả thêm mỗi tháng 1.000.000 đồng được 04 tháng.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản nợ hụi 135.700.000 đồng đã khấu trừ 4.000.000 đồng như lời bà B trình bày (139.700.000 đồng – 4.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi và có yêu cầu không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử.

Xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ; không đồng ý cho bà Th trả dần, vì bà Th có vi phạm nghĩa vụ như đã thỏa thuận.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, việc xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào nội dung hồ sơ nhận thấy bà Th còn nợ tiền hụi ông Đ, bà H 139.700.000 đồng, được bà Th xác nhận theo biên nhận nợ hụi ngày 31/5/2017 và được bà B thừa nhận chữ viết, chữ ký là của bà Th. Do hoàn cảnh khó khăn, bà Th xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi

dứt nợ, đã trả được 04 lần thì ngưng không thực hiện tiếp là vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ các Điều 280, 471 Bộ luật dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp dân sự về hụi, bị đơn đang cư trú tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Bị đơn là hụi viên tham gia các dây hụi do nguyên đơn làm chủ, hụi đã mãn và ngày 31/5/2017 các bên kết sổ, thỏa thuận ngày 30/3/2018 sẽ thực hiện việc trả dần, đến ngày 31/9/2017 thì ngưng. Ngày 22/8/2018 nguyên đơn khởi kiện nên còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng góp hụi giữa ông Đ, bà H và bà Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi hụi mãn, ngày 31/5/2017 các bên kết sổ bà Th còn nợ ông Đ, bà H 139.700.000 đồng, thỏa thuận trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng thể hiện tại biên nhận nợ hụi do ông Đ, bà H cung cấp, bà Th thực hiện được 04 tháng thì ngưng.

- Biên nhận nợ hụi ngày 31/5/2017 được bà B con bà Th thừa nhận có biết và xác định chữ ký, chữ viết trên biên nhận nợ là của bà Th. Xét, bà Th có tham gia các dây hụi của ông Đ, bà H, đã nhận đủ tiền các dây hụi, nhưng không góp lại các phần tiền hụi còn lại, nên đã vi phạm nghĩa vụ. Do đó ông Đ, bà H yêu cầu bà Th trả nợ hụi là có căn cứ. Buộc bà Th có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà H số tiền 135.700.000 đồng theo quy định tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bà Th có yêu cầu ông Đ, bà H cho bà được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không thực hiện là vi phạm thỏa thuận, tại phiên tòa ông Đ, bà H yêu cầu bà Th trả đủ một lần là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Đ, sinh năm 1954 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí, án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.7850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các , Điều 280, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ và bà Phan Thị H;

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn Đ và bà Phan Thị H 135.700.000 (một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

Nếu chậm trả theo thỏa thuận và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn Đ và bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu Th chịu 6.7850.000 đồng (sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ, bà H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Th, bà V, ông H1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Th